



Số: 008625/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 08205.24



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : NECTAR ĐÀO - VINAMILK
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 1 lít
Ngày nhận mẫu : 05/04/2024
Người gửi mẫu : Phan Ngọc Mỹ Hòa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 05/04/2024-15/04/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/l
2	Patulin	HD.PP.31/TT.SK (Ref. UCT 6103-03-01, 2014 & Ref. Food analytical methods, 2019, Vol 12, Issue 1, pp 76-93) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 3	µg/l

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17-04-2024

TU. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

Số: 008624 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 08204.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : NECTAR ĐÀO - VINAMILK
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 1 lít
Ngày nhận mẫu : 05/04/2024
Người gửi mẫu : Phan Ngọc Mỹ Hòa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 05/04/2024-15/04/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Clostridium perfringens</i>	AOAC 976.30 (a) (d)	< 1	CFU/ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	HD.PP.08-02/TT.VS.2023 (Ref. TCVN 8881:2011; ISO 16266:2010) (a)	< 1	CFU/ml
3	<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC 975.55 (a) (d)	< 1	CFU/ml
4	<i>Streptococci faecal (Enterococci faecal)</i>	HD.PP.07-02/TT.VS (Ref. TCVN 6189-2:2009; ISO 7899-2:2000) (a) (d)	< 1	CFU/ml
5	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (a) (d)	< 1	CFU/ml
6	Coliforms	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013 (a) (d)	< 1	CFU/ml
7	<i>Escherichia coli</i>	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013 (a) (d)	< 1	CFU/ml
8	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008) (a) (d)	< 1	CFU/ml

Mã số mẫu: 08204.24

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
 - (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
 - < 1 CFU /ml: được xem như không phát hiện.

17-04-2024

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **008626** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 08206.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : NECTAR ĐÀO - VINAMILK
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 1 lít
Ngày nhận mẫu : 05/04/2024
Người gửi mẫu : Phan Ngọc Mỹ Hòa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 05/04/2024-16/04/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Chlorpyrifos-ethyl (Chlorpyrifos)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
2	Deltamethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
3	Paraquat	HD.PP.09/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
4	Glufosinate-ammonium	HD.PP.112/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
5	Azinphos-methyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
6	Bifenthrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
7	Cyhalothrin (bao gồm Lambda-Cyhalothrin)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
8	Cypermethrin (bao gồm alpha- và zeta-Cypermethrin)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
9	Diazinon	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
10	Dichlofluanid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
11	Dichloran	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
12	Fenpropathrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
13	Methyl bromide	HD.PP.154/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
14	Spirodiclofen	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
15	2,4-D (Dichlorophenoxyacetic acid)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
16	Acetamiprid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
17	Amitraz	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
18	Azoxystrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
19	Bifenazate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
20	Bitertanol	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
21	Boscalid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
22	Buprofezin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
23	Carbaryl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
24	Carbendazim	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
25	Chlorantraniliprole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
26	Chlorothalonil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
27	Clofentezine	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
28	Cyantraniliprole	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
29	Cyflumetofen	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
30	Difenoconazole	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
31	Diiflubenzuron	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
32	Dinocap	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
33	Dinotefuran	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
34	Dodin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
35	Emamectin benzoate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,00045	mg/kg
36	Etofenprox	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
37	Etoxazole	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
38	Fenarimol	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
39	Fenbuconazole	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
40	Fenbutatin oxide	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
41	Fenhexamid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
42	Fenpyroximate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
43	Flubendiamide	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
44	Fluopyram	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
45	Flusilazole	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
46	Hexythiazox	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
47	Imidacloprid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
48	Iprodione	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
49	Methomyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
50	Methoxyfenozide	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
51	Penconazole	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
52	Penthiopyrad	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
53	Phosmet	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
54	Propiconazole	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
55	Pyraclostrobin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
56	Pyrethrin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
57	Pyrimethanil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
58	Saflufenacil	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
59	Spinetoram	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
60	Spinosad	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
61	Spirotetramate	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
62	Tebuconazole	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
63	Tebufenozide	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
64	Thiacloprid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg

Mã số mẫu: 08206.24

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
65	Trifloxystrobin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **17-04-2024**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00061547
Mã số kết quả : AR-24-VD-064234-01-VI / EUVNHC-00268299



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Nectar đào - Vinamilk
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hộp giấy
Ngày nhận mẫu : 07/05/2024
Thời gian thử nghiệm : 07/05/2024 - 10/05/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 13/05/2024
Mã số PO của khách hàng : N6IK240506606
Mã số mẫu Eol : 005-32410-269028

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD28P VD Sulfuryl fluoride	mg/ kg	AOAC 975.08 Mod	Không phát hiện (LOD=0.05)
2	VD19F VD (a) Phosphane and muối phosphide (Tổng Phosphane và chất tạo Phosphane (muối phosphide liên quan), xác định và quy về Phosphane)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5205 (Ref. Perz, Roland, et al. "Analysis of Phosphine in Dried Foodstuffs via Headspace-GC-MSD." Poster Session II: Topics: Development and Application of Analytical Methods-10th European Pesticide Residue Workshop (EPRW). 2014.)	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 13/05/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 13/05/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-va-cung-cap-dich-vu.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng.(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.